

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HS-ST
Ngày 10 tháng 11 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hồng Sinh.

2. Bà Trương Thị Tuyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thu Hà - Thư ký toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2020/TLST- HS ngày 02 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST- HS ngày 28/10/2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn P (tên gọi khác: Không) - sinh ngày 29 tháng 6 năm 1988, tại huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã B, huyện B, Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Phạm Văn B - sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị Q - sinh năm 1962.

Cùng trú tại: Thôn 2 xã B, huyện B, Lào Cai.

Vợ: Tống Thị H - sinh năm 1989.

Con: Phạm Văn T, sinh năm 2010.

Vợ và con bị cáo đều trú tại thôn 2, xã B, huyện B, Lào Cai.

Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 14/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Ngày 20/9/2018, chấp hành xong. Ngày 22/7/2019, bị Ủy ban nhân dân xã B, huyện B đưa vào cơ sở xã hội trong thời gian cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 05/8/2019, Ủy ban nhân dân xã B đã ra Quyết định hủy bỏ Quyết định này.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2020. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên toà

2. Nguyễn Văn H (tên gọi khác không)

Sinh ngày 18 tháng 01 năm 1988, tại huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (nay không xác định được cư trú và còn sống hay đã chết) và bà Trần Thị L - sinh năm 1958 (đã chết).

Vợ: Triệu Thị Q - sinh năm 1986.

Con: Nguyễn Việt A, sinh năm 2020.

Vợ và con bị cáo đều trú tại thôn 3, xã B, huyện B, Lào Cai.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Nhân thân: Bản án số 10/2012/HSST ngày 28/8/2012, của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt Nguyễn Văn H 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tính đến ngày phạm tội lần này, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2020. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho Bị Cáo Nguyễn Văn H là bà Nguyễn Thị Hương T - Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Ngọc K: (tên gọi khác: Không) - sinh ngày 23 tháng 6 năm 2000, tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm Đ, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Nguyễn Văn K - sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1979.

Cùng trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2020. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên toà

Người làm chứng:

1. Phạm Văn D - sinh năm 1984, tại huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Trú tại: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Đoàn Văn T - sinh năm 1978, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Thị Th - sinh năm 1990, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Trú tại: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Hồi 00 giờ 35 phút ngày 02/7/2020, Tổ công tác Công an thành phố L, tỉnh Lào Cai đang làm nhiệm vụ tại khu vực cây xăng N (đầu đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc khu công nghiệp K, thành phố L) kiểm tra, phát hiện trên xe ô tô Dawoo Lacetti biển kiểm soát 20A- 010.10 đang dừng, đỗ ven đường, trên xe có 05 người. Tổ công tác đã yêu cầu 05 đối tượng trên về Đồn Công an K, thành phố L để làm việc. Qua kiểm tra xác định được lái xe là Đoàn Văn T trú tại thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai và 04 người Trung Quốc gồm: Sầm Huân T (Cen Xun Sheng), sinh ngày 30/9/1999, trú tại Số 22, Đội 4, thôn N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; Vi Văn T (Wei Wen Shuo), sinh ngày 03/01/2000, trú tại số 12, Đội 1 G, thôn L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; Dương Nguyên B (Yang Yuan Pei), sinh ngày 24/10/1994, trú tại số 01, đường T, thôn C, thị trấn M, huyện L, tỉnh P, Trung Quốc và Trần Hiểu M (Chen Xiao Minh), sinh ngày 05/6/1989, trú tại số 06/12, tổ nhỏ số 3, thôn L, xã Đại N, khu V, thành phố L, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc nhập cảnh trái phép qua khu vực Mốc 70-700 (thuộc thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai) với mục đích đi làm thuê và du lịch tại Việt Nam.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Ngày 20/6/2020, có người đàn ông Trung Quốc (không biết tên, địa chỉ) gọi điện thoại cho Phạm Văn P, muốn thuê P đưa một số người Trung Quốc vượt biên trái phép vào Việt Nam với giá 500.000 đồng/01 người đi qua đò sang sông Hồng, Việt Nam và 500.000 đồng/01 chuyến xe taxi đi từ bờ sông ra thành phố L, tỉnh Lào Cai, P đồng ý, người Trung Quốc nói khi nào có khách sẽ gọi điện trước. Sau đó, P gặp Nguyễn Văn H, nói với H là thi thoảng tôi có khách từ Trung Quốc về Việt Nam và muốn thuê H đi đò sang bên kia bờ sông Trung Quốc chở về Việt Nam, mỗi khách sẽ trả cho H 200.000 đồng, H đồng ý. P tiếp tục rủ Nguyễn Ngọc K tham gia việc đưa người Trung Quốc từ bờ sông khu vực Ống Khói về nhà bà M (thuộc thôn 3, xã B, cách bến đò Ống khói khoảng 800m), P hứa sẽ trả cho K 100.000 đồng/01 người, K đồng ý.

Khoảng 21 giờ ngày 01/7/2020, người đàn ông Trung Quốc gọi điện thông báo cho P ra đón người, P bảo H lái đò sang Trung Quốc đón, H chèo thuyền sang đón người bên bờ sông Trung Quốc đưa sang bờ sông Việt Nam. P và K đứng trên bờ kè khu vực bến đò Ống khói đợi để đưa khách Trung Quốc về nhà bà M. Khi P

và K đưa chuyến đầu tiên đến nhà bà M thì P gọi điện thoại cho Phạm Văn D, sinh năm 1984, trú tại thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (là anh ruột của P) bảo D đến nhà bà M (mẹ vợ D, ở thôn 3, xã B, huyện B) để đón người đi ra thành phố L với giá 500.000 đồng/01 chuyến, P bảo D gọi thêm xe, D gọi điện thoại cho Đoàn Văn T, sinh năm 1978, trú tại thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai đi chở khách từ nhà bà M ra thành phố L với giá 200.000 đồng/01 chuyến, T đồng ý.

Từ khoảng 21 giờ 30 phút đến 23 giờ ngày 01/7/2020, Nguyễn Văn H chở 05 chuyến đò với tổng cộng 18 người; Chuyến thứ nhất đưa 04 người, chuyến thứ hai đưa 03 người, chuyến thứ ba đưa 04 người, chuyến thứ tư đưa 03 người, chuyến thứ năm đưa 04 người, từ bờ sông Hồng bên Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam giao cho P và K tại bờ sông thuộc bến đò Ống khói. P và K đón 03 lượt với tổng cộng 18 người trung Quốc từ bờ sông bến Ống khói đến nhà bà M. Lượt thứ hai, người Trung Quốc điện thoại thông báo cho P biết tối nay có tổng cộng 18 người Trung Quốc sang Việt Nam, P báo lại cho người Trung Quốc biết tiền công hết 9.000.000 đồng, tiền thuê xe taxi hết 2.500.000 đồng. Người Trung Quốc đưa tiền cho một trong số những người khách đi thuyền sang Việt Nam cầm trả cho P tổng số 11.500.000 đồng.

Sau khi nhận lời chở khách cho P, Phạm Văn và Đoàn Văn T đi 02 xe ô tô chở 05 lượt khách (*D chở 02 lượt, 07 khách; T chở 03 lượt, 11 khách*) từ nhà bà M đến 04 địa điểm ở thành phố L: Đến Cây xăng V - Khu công nghiệp K 08 khách - D chở 04 khách, T chở 04 Khách; Đến Khách sạn V - phường D, thành phố L 05 khách - D chở 02 khách, T chở 03 khách; Đến Khách sạn T, phường P, thành phố L 01 khách - D chở và chuyến cuối cùng T chở 04 khách đến khu vực cây xăng N - Khu công nghiệp K thì bị bắt.

Khoảng 01 giờ sáng ngày 02/7/2020, sau khi biết tin T và nhóm người Trung Quốc đã bị Công an bắt giữ, P, K và D đến quán của chị Hoàng Thị T (vợ D) ở Thôn 3, xã B để nói chuyện về việc T và 04 người Trung Quốc bị bắt và thống nhất xóa hết nhật ký cuộc gọi, tin nhắn. Tại đây, P nhờ chị T cầm hộ 02 tập tiền: 01 tập có 9.000.000 đồng, 01 tập có 2.500.000 đồng (đây là số tiền người khách Trung Quốc đã trả cho P), P chỉ nói cho T biết đó là tiền làm ăn của P gửi chị T giữ hộ.

H, K, D chưa nhận được tiền do P hứa trả.

- Đối với người đàn ông đã gọi điện thoại cho Phạm Văn P để thực hiện việc đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, do không xác minh được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan An ninh điều tra chưa có căn cứ để xử lý.

- Đối với Phạm Văn D và Đoàn Văn T là 02 người lái xe taxi được P thuê chở người Trung Quốc từ nhà bà M ở thôn 3, xã B ra thành phố L nhưng do D và T không biết những người Trung Quốc này nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

- Đối với Hoàng Thị T - là người đã cầm hộ P số tiền 11.500.000 đồng nhưng T không biết đó là tiền do P phạm tội mà có. Nên Cơ quan An ninh điều tra không đề cập xử lý đối với D, T và Hoàng Thị T.

- Đối với hành vi Nhập cảnh trái phép của: Sầm Huân T, Vi Văn T, Dương Nguyên B và Trần Hiểu M là lần đầu nên Cơ quan An ninh điều tra đã đề nghị Phòng PA08 Công an tỉnh Lào Cai xử phạt hành chính. Ngày 22/7/2020, Công an tỉnh Lào Cai đã trao trả 04 đối tượng trên cho Công an châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

- Hành vi xuất cảnh trái phép của Nguyễn Văn H là để lái đò đưa người từ bờ sông Trung Quốc sang bờ sông bên Việt Nam nhằm thực hiện hành vi phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép và đã bị khởi tố trong vụ án này. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lào Cai không đề cập xử lý hành vi Xuất cảnh trái phép đối với Nguyễn Văn H.

Cáo trạng số 41/CT - VKS - P1 ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử đối với các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc K về tội “ Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự. Ủy quyền cho Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai thực hiện quyền công tố tại phiên tòa.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc K phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn P từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 03 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 ; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc K từ 01 năm đến 01 năm 06 tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc K cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Về hình phạt bổ sung: không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

+ Về vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điểm a,b,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 11.500.000đ (*mười một triệu năm trăm nghìn đồng*) là tiền do các bị cáo phạm tội mà có và 01 chiếc thuyền sắt, sơn màu đỏ, chiều dài 6,2 m, sâu 0,31 m, rộng miệng giữa thuyền 1,15 m thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn H; 01 điện thoại di động OPPO thu giữ của bị cáo Phạm Văn P; 01 điện thoại Iphone 7 Plus thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc K là công cụ, phương tiện phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 02 mái chèo bằng gỗ thu giữ của Nguyễn Văn H.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn H.

Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh của Nguyễn Văn H để đảm bảo thi hành án.

+ Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người bào chữa: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ cho rằng: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn H vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, sau khi bị bắt đã thành khẩn khai báo và nhận tội. Đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc K đều thành khẩn khai báo và nhận tội. Các bị cáo khai sau khi bàn bạc với nhau thống nhất, trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút đến 23 giờ ngày 01/7/2020 các bị cáo P, H, K đã tổ chức đưa 18 người Trung Quốc từ bờ sông Hồng bên phía Trung Quốc bằng thuyền sắt tự tạo sang bến đò Ông khổi thuộc địa phận thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai, để họ đi làm thuê và du lịch tại Việt Nam, không được phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam với mục đích vụ lợi, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Nhưng trong quá trình điều tra chỉ xác định được nhân thân, lai lịch của 04 người Trung Quốc phát hiện và bắt giữ trong xe ô tô của Đoàn Văn T đang dừng đỗ tại gần cây xăng N, khu công nghiệp K, thành phố L, 14 người

còn lại không xác định được quốc tịch, nhân thân lai lịch và qua lời khai của 04 người Trung Quốc bị bắt giữ đã có trong hồ sơ vụ án đều khai cùng nhau đi trên 01 chuyến đò do bị cáo H chở, còn bị cáo H khai do trời tối nên chỉ biết đã chở 05 chuyến đò tổng cộng là 18 người Trung Quốc từ bờ sông Hồng bên phía Trung Quốc sang bến đò Ống khói, không xác định được 04 người Trung Quốc bị bắt giữ đi cùng một chuyến đò hay nhiều chuyến đò. Nên không đủ căn cứ truy tố và xét xử các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc K, theo các tình tiết tăng nặng định khung (phạm tội 02 lần trở lên hoặc đối với 11 người trở lên) quy định tại điểm b khoản 2 hoặc điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự. Mà chỉ đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc K phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ Luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm trước khi phạm tội các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, nên là đồng phạm giản đơn, khi xét xử cần áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự, để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tham gia trong đồng phạm đối với từng bị cáo. Trong vụ án này bị cáo P là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác cùng thực hiện một tội phạm và cũng là người thực hành tích cực, nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo H là người trực tiếp lái thuyền đưa những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, giữ vai trò thứ 2 trong vụ án. Bị cáo K là người được bị cáo p rủ đi cùng để canh giới, trên đường đưa người Trung Quốc từ bến đò Ống khói về nhà bà M, giữ vai trò thứ 3 trong vụ án.

Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý xuất nhập cảnh và cư trú của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại khu vực biên giới. Là mầm mống lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm từ nước ngoài vào Việt Nam, trong thời điểm Đảng, nhà nước, nhân dân và quân đội ta đang phải gồng mình phòng chống đại dịch viêm đường hô hấp cấp Covid - 19, đang diễn biến phức tạp làm hàng triệu người trên thế giới tử vong mà Trung Quốc là tâm dịch. Nên việc đưa vụ án ra xét xử lưu động, công khai là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật đối với người phạm tội và tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong quần chúng nhân dân. Đồng thời quyết định một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo đã thực hiện.

Đối với bị cáo Phạm Văn P là người chủ mưu và thực hành tích cực, lại là người có nhân thân xấu, có 01 tiền sự. Bị cáo Nguyễn Văn H là người thực hành tích cực, đã từng có tiền án về tội trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không ăn năn hối cải, lại phạm tội mới. Nên cần phải cách ly 02 bị cáo P và H ra khỏi đời sống xã hội

một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đấu tranh phòng chống tội phạm. Xong cũng cần xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho 02 bị cáo khi lượng hình, vì 02 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo P đã tự giác nộp lại toàn bộ số tiền 11.500.000 đồng thu lợi bất chính, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Ngọc K tuổi đời còn trẻ, là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, chấp hành đúng chính sách pháp luật của nhà nước, nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, sau khi bị bắt đã thành khẩn khai báo và bị cáo có ông Ngoại là người có công với cách mạng, được nhà nước tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba. Do đó bị cáo K được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không cần cách ly bị cáo K ra khỏi đời sống xã hội vẫn đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo.

- Về mức hình phạt như người bào chữa đề nghị xử bị cáo Nguyễn Văn H 01 năm 06 tháng tù là nhẹ không tương xứng với vai trò và tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, không được chấp nhận. Còn mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về hình phạt bổ sung: Không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Vì các bị cáo đều không có tài sản và việc làm, thu nhập ổn định.

[3] Về vật chứng và những tài sản thu giữ trong vụ án gồm:

- Thu giữ của Phạm Văn P: 01 điện thoại di động OPPO, số tiền 11.500.000 đồng.

- Thu giữ của Nguyễn Ngọc K: 01 điện thoại Iphone 7 Plus;

- Thu giữ của Nguyễn Văn H: 01 chiếc thuyền sắt, chiều dài 6,2m, sâu 0,31m, rộng miệng phần giữa 1,15m; 02 mái chèo; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H, 01 điện thoại di động Vivo.

- Thu giữ của Phạm Văn D: 01 điện thoại Sam Sung A8.

- Thu giữ của Đoàn Văn T: 01 Chứng minh thư mang tên Đoàn Văn T, 01 giấy phép lái xe mang tên Đoàn Văn T, 01 đăng ký xe ô tô mang tên Ngô Xuân C, 01 xe ô tô hiệu Dawoo Lacetti BKS 20A-010.10, 01 camera hành trình kèm thẻ nhớ Kington 32G, 01 điện thoại di động Sam Sung Galaxy J7.

- Thu giữ của Vi Văn T: 01 ba lô chứa đồ đạc, tư trang cá nhân; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei, màu trắng, đã qua sử dụng; 07 thẻ card dạng cứng, trên

thẻ nghi nhiều chữ Trung Quốc, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Wei Wen Shuo.

- Thu giữ của Sầm Huân T: 02 bộ quần áo; 01 quyển sách có bìa màu đen, trên bìa ghi nhiều chữ Trung Quốc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor, màu xanh đen, đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Trần Hiểu M: 01 ba lô màu đen đã qua sử dụng, bên trong có tư trang cá nhân; 01 đồng hồ đeo tay màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Dương Nguyên B: 01 ba lô màu đen, chứa tư trang cá nhân; 01 ví da màu đen, bên trong chứa 07 thẻ card dạng cứng, trên thẻ ghi nhiều chữ Trung Quốc, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Yang Yuan Pei; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A57, màu vàng, đã qua sử dụng; 02 máy cạo râu.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho Phạm Văn D: 01 điện thoại SamSung A8; Đoàn Văn T: 01 Chứng minh thư mang tên Đoàn Văn T, 01 giấy phép lái xe mang tên Đoàn Văn T, 01 đăng ký xe ô tô mang tên Ngô Xuân C, 01 xe ô tô hiệu Dawoo Lacetti BKS 20A-010.10, 01 camera hành trình kèm thẻ nhớ Kington 32G, 01 điện thoại di động Sam Sung Galaxy J7; Vi Văn T: 01 ba lô chứa đồ đạc, tư trang cá nhân; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei, màu trắng, đã qua sử dụng; 07 thẻ card dạng cứng, trên thẻ ghi nhiều chữ Trung Quốc, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Wei Wen Shuo; Sầm Huân T: 02 bộ quần áo; 01 quyển sách có bìa màu đen, trên bìa ghi nhiều chữ Trung Quốc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor, màu xanh đen, đã qua sử dụng; Trần Hiểu M: 01 ba lô màu đen đã qua sử dụng, bên trong có tư trang cá nhân; 01 đồng hồ đeo tay màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, đã qua sử dụng; Dương Nguyên B: 01 ba lô màu đen, chứa tư trang cá nhân; 01 ví da màu đen, bên trong chứa 07 thẻ card dạng cứng, trên thẻ ghi nhiều chữ Trung Quốc, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Yang Yuan Pei; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A57, màu vàng, đã qua sử dụng; 02 máy cạo râu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Còn lại 01 điện thoại di động OPPO thu giữ của Phạm Văn P; 01 điện thoại Iphone 7 Plus thu giữ của Nguyễn Ngọc K; 01 chiếc thuyền sắt thu giữ của Nguyễn Văn H là những công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, số tiền 11.500.000 đồng là tiền các bị cáo thu lợi bất chính, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 02 mái chèo không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H, 01 điện thoại di động Vivo là tài sản của bị cáo không liên quan

đến vụ án, nhưng do bị cáo H còn phải chịu khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm, cần tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Vivo của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[4] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan an ninh Điều tra Công an tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo và người bào chữa không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc K mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc K phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”

2. Về mức hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 08/7/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 08/7/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 ; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc K cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điểm a,b,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ, đã qua sử dụng của Phạm Văn P; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, đã qua sử dụng của Nguyễn Ngọc K; 01 chiếc thuyền sắt, màu đỏ, chiều dài 6,2m, sâu 0,31m, rộng miệng phần giữa 1,15m đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn H; số tiền 11.500.000đ (*mười một triệu, năm trăm nghìn đồng*) đang được gửi tại tài khoản số 3949.0.9051175 của cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Lào Cai.

- Tịch thu tiêu hủy 02 mái chèo bằng gỗ thu giữ của Nguyễn Văn H trong đó 01 mái chèo dài 2,16m, chiều rộng nhất 12cm, một đầu hình trụ đường kính 05cm; 01 mái chèo 1,99m, chiều rộng nhất 11,5cm, một đầu hình trụ đường kính 05cm.

- Trả lại cho Nguyễn Văn H 01 chứng minh thư nhân dân, mang tên Nguyễn Văn H do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 05/8/2019.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh, đã qua sử dụng, để đảm bảo thi hành án về phần án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc K mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (*hai trăm nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các bị cáo (03)
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQANĐT Công an tỉnh LC;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (09);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Hồng Sinh Tưởng Thị Tuyết

Ngô Đức Quang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các bị cáo (03)
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- QCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (09);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang

